TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN E
TỈNH F

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2025/DS-ST
Ngày 17/01/2025.
Về việc: *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN E

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Linh**.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà: **Nguyễn Thị Tài.**
2. Ông: **Phạm Đức G.**

Thư ký phiên tòa: Ông **Trương Quang Vũ** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện E, tỉnh F.

Hôm nay, ngày 17 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện E, tỉnh F xét xử sơ thẩm công khai theo vụ án dân sự thụ lý số 209/2024/TLST-DS ngày 29/10/2024 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 154/2024/QĐXXST-DS ngày 20/12/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2025/QĐDS-ST ngày 06/01/2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: Anh Nguyễn Hữu A, sinh năm 1992; địa chỉ: Ấp Sậy Giăng, xã Khánh B, huyện Vĩnh B, tỉnh C.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Bùi Công D, sinh năm 2000; địa chỉ: Thôn 8, xã Lộc Nam, huyện E, tỉnh F.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu G, sinh năm 1997; địa chỉ: Thôn 4, xã Lộc Bắc, huyện E, tỉnh F.

(Anh D có đơn xin vắng mặt, anh G vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Tại Đơn khởi kiện ngày 24/06/2024, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 20/02/2024, anh Nguyễn Hữu G có vay của anh Nguyễn Hữu A số tiền 500.000.000đ, thời hạn vay là 02 tháng. Đến thời hạn thanh toán anh A yêu cầu anh G trả nợ nhiều lần nB anh G vẫn không thực hiện việc trả nợ.

Do đó anh A khởi kiện yêu cầu anh G trả cho anh A 500.000.000đ, lãi phát sinh 1.67%/tháng tạm tính từ ngày 20/02/2024 đến ngày 20/6/2024 là 32.000.000đ.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 17/01/2025 anh D yêu cầu anh G trả cho anh A 500.000.000đ tiền vay gốc và lãi phát sinh 0,83% tính từ ngày 21/04/2024

đến ngày 17/01/2025 là 08 tháng 27 ngày được tính cụ thể như sau 500.000.000đ x 0,83% x 08 tháng 27 ngày = 36.935.000đ.

Tổng số tiền lãi anh D yêu cầu anh G phải trả cho anh A là 536.935.000đ (Năm trăm ba mươi sáu triệu chín trăm ba mươi lăm ngàn).

Để chứng G cho yêu cầu khởi kiện của anh A có căn cứ và đúng pháp luật phía nguyên đơn đã cung cấp: Bản gốc biên nhận vay tiền ngày 20/02/2024.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập anh G nhiều lần nB anh G không đến Tòa án làm việc, không có bất kỳ văn bản nào thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của anh A.

Do vụ án không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự nên Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện E không tham gia phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng: Anh G vắng mặt lần thứ 2 không có lý do chính đáng; anh D có đơn vắng mặt nên căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt theo thủ tục chung.

2. Về nội dung vụ án:

[2.1] Đối với yêu cầu trả nợ gốc: Căn cứ vào biên nhận vay tiền ngày 20/02/2024 và trình bày của phía nguyên đơn thể hiện anh G có vay của anh A số tiền 500.000.000đ, thời hạn vay 02 tháng, không thoả thuận về lãi suất. Đến thời hạn trả nợ anh A đã nhiều lần yêu cầu nB anh G trả nợ nB anh G vẫn không thực hiện. Do anh G đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nB không đến Tòa án làm việc, không có lời khai, không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì thể hiện đã thanh toán xong khoản vay trên. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào biên nhận vay tiền ngày 20/02/2024 do phía nguyên đơn cung cấp và trình bày của phía nguyên đơn để buộc anh G có trách nhiệm hoàn trả cho anh A số tiền vay 500.000.000đ.

[2.2] Đối với yêu cầu về lãi suất: Xét biên nhận vay tiền ngày 20/02/2024 do phía nguyên đơn cung cấp là hợp đồng vay có thời hạn và không thoả thuận về lãi suất phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự do đó cần buộc anh G chịu số tiền lãi từ ngày 21/04/2024 đến ngày 17/01/2025 là 08 tháng 27 ngày được tính cụ thể như sau 500.000.000đ x 0,83% x 08 tháng 27 ngày = 36.935.000đ (Ba mươi sáu triệu chín trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

[2.3] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án:

- Buộc anh G chịu án phí dân sự sơ thẩm trên tổng số tiền nợ gốc và lãi là 20.000.000đ + 4% của phần giá trị vượt quá 400.000.000đ được tính như sau: 20.000.000đ + 136.935.000đ x 4% = 25.477.000đ (Đã làm tròn).

- Hoàn trả anh A số tiền 12.640.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 7292 ngày 29/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện E.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm a, b khoản 1 Điều 238; Điều 147; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Hữu A về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" với bị đơn anh Nguyễn Hữu G.

Buộc anh Nguyễn Hữu G có nghĩa vụ trả cho anh nguyễn Hữu A 536.935.000đ (Năm trăm ba mươi sáu triệu chín trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

"Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự".

2. Về án phí:

- Buộc anh G nộp 25.477.000đ (Hai mươi lăm triệu bốn trăm bảy mươi bảy ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả anh A số tiền 12.640.000đ (Mười hai triệu sáu trăm bốn mươi ngàn) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 7292 ngày 29/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện E.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản sao bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án tỉnh F xét xử phúc thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7; Điều 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh F;
- VKSND huyện E;
- VKSND tỉnh F;
- CC.THADS huyện E;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Linh

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tài **Phạm Đức G** **Nguyễn Văn Linh**